

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026
của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước

Trong những năm qua, kinh tế nhà nước trên địa bàn tỉnh tiếp tục giữ vai trò nền tảng, là công cụ quan trọng để Nhà nước thực hiện chức năng định hướng, dẫn dắt và điều tiết các hoạt động kinh tế của tỉnh. Thông qua việc quản lý, phân bổ và sử dụng các nguồn lực kinh tế nhà nước đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, bảo đảm quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội, thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra. Các doanh nghiệp có vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh¹ hoạt động cơ bản ổn định, duy trì sản xuất kinh doanh và từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, tạo việc làm ổn định cho người lao động, qua đó đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn những hạn chế, tồn tại như: Công tác quản lý, khai thác và sử dụng một số nguồn lực, tài sản của Nhà nước hiệu quả chưa cao, chưa thể hiện rõ vai trò tiên phong, chưa dẫn dắt được các ngành then chốt, thiết yếu trong cơ cấu kinh tế tỉnh. Quy mô thu ngân sách nhà nước còn nhỏ, chưa bền vững; việc phân bổ vốn đầu tư công còn dàn trải và chưa thực sự hiệu quả; kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu. Việc quản lý, sử dụng nguồn lực về đất đai, khoáng sản có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, hiệu quả. Các doanh nghiệp có vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa, phần lớn doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu thấp², phạm vi hoạt động chủ yếu trong tỉnh, khả năng mở rộng thị

¹ Toàn tỉnh hiện có 13 doanh nghiệp có vốn nhà nước, trong đó: có 02 Công ty TNHH một thành viên nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tuyên Quang và Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Xổ số kiến thiết Hà Giang); có 07 doanh nghiệp nhà nước nắm giữ từ trên 50% vốn điều lệ đến dưới 100% vốn điều lệ (gồm: Công ty TNHH lâm nghiệp: Tuyên Bình, Chiêm Hóa, Yên Sơn, Sơn Dương; Công ty cổ phần: Cấp thoát nước Tuyên Quang, Môi trường và Đô thị Hà Giang, Đường bộ II Hà Giang); có 04 công ty cổ phần nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ (gồm: Công ty cổ phần: Đường bộ I Hà Giang, Cấp thoát nước Hà Giang, Chế biến lâm sản Tuyên Quang, Quản lý và Xây dựng giao thông Tuyên Quang (doanh nghiệp vừa thực hiện chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần)).

² Trên địa bàn tỉnh có 01 doanh nghiệp là Công ty CP Cấp thoát nước Tuyên Quang có vốn điều lệ là 89 tỷ đồng; 04 doanh nghiệp có vốn điều lệ từ 20 tỷ đến dưới 35 tỷ đồng (là các Công ty TNHH lâm nghiệp: Tuyên Bình, Yên Sơn, Chiêm Hóa, Sơn Dương); 06 doanh nghiệp có vốn điều lệ từ 10 tỷ đến dưới 20 tỷ đồng (Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tuyên Quang, Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Hà Giang và Công ty cổ phần Đường bộ II Hà Giang, Công ty cổ phần Chế biến lâm sản Tuyên Quang, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Hà Giang); 02 doanh nghiệp có số vốn điều lệ dưới 10 tỷ là Công ty cổ phần Môi trường đô thị Hà Giang, Công ty cổ phần Quản lý và xây dựng giao thông Tuyên Quang.

trường và đầu tư phát triển còn hạn chế. Hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao và chưa đồng đều, mức đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách nhà nước hằng năm còn khiêm tốn, khoảng 70 tỷ đồng³. Một số doanh nghiệp còn gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận thấp, hiệu quả sử dụng vốn chưa thật sự cao. Năng lực quản trị doanh nghiệp và đổi mới công nghệ còn hạn chế. Công tác quản trị doanh nghiệp ở một số đơn vị chưa theo kịp yêu cầu của cơ chế thị trường; việc ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh còn chậm. Vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp nhà nước, tạo động lực phát triển cho các ngành kinh tế khác còn hạn chế. Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn hoạt động chưa thực sự hiệu quả; số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ toàn diện còn ít, mức độ tự chủ thấp⁴, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo. Chất lượng dịch vụ công còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao, đa dạng của xã hội, một số đơn vị chưa phát huy được tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, cũng như về tài chính, chưa tạo được động lực nâng cao chất lượng dịch vụ công. Toàn tỉnh có 11 Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách⁵, nhưng nguồn vốn các quỹ chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách, quy mô hoạt động các quỹ nhỏ, hiệu quả hoạt động một số quỹ chưa cao, chức năng 1 số quỹ còn trùng lặp...

Nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên và phát huy hơn nữa vai trò của kinh tế nhà nước, góp phần thực hiện mục tiêu đưa tỉnh Tuyên Quang trở thành tỉnh phát triển khá, toàn diện, bền vững; đến năm 2045 là tỉnh phát triển, thu nhập cao trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về *phát triển kinh tế nhà nước* (sau đây viết tắt là *Nghị quyết số 79-NQ/TW*) với nội dung cụ thể như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Phổ biến, quán triệt sâu sắc, toàn diện các nội dung Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước tới các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; tạo sự đồng thuận và quyết tâm chính trị, thống nhất cao trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

³Các doanh nghiệp có mức đóng góp vào ngân sách nhà nước cao nhất là 03 doanh nghiệp: Công ty TNHH một thành viên Xô số kiến thiết Tuyên Quang và Công ty TNHH một thành viên Xô số kiến thiết Hà Giang đóng góp bình quân vào ngân sách 19 tỷ đồng/1 doanh nghiệp; Công ty cổ phần Cấp thoát nước 16 tỷ đồng.

⁴Toàn tỉnh có 1.264 đơn vị sự nghiệp công lập (214 đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý 1.050 đơn vị đơn vị thuộc cấp xã quản lý), trong đó: 06 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1); 36 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 2); 83 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (nhóm 3); 1.139 đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên (nhóm 4).

⁵Quỹ tài chính NNNNS: (1) Quỹ Hỗ trợ nông dân; (2) Quỹ Phòng chống thiên tai; (3) Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng; (4) Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ; (5) Quỹ Hỗ trợ phát triển du lịch; (6) Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã; (7) Quỹ Phát triển đất; (8) Quỹ Dự trữ tài chính; (9) Quỹ Phòng chống tội phạm; (10) Quỹ Bảo vệ môi trường; (11) Quỹ Đầu tư phát triển.

- Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với phát triển kinh tế nhà nước; định hướng nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực của kinh tế nhà nước trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện Chương trình này phải bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 79-NQ/TW và phải được thực hiện sâu rộng, đồng bộ tại các cấp, ngành, từ tỉnh đến cơ sở, đảm bảo kịp thời, chất lượng, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế tại địa phương, đơn vị.

- Xây dựng khung định hướng các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cần tập trung triển khai thực hiện, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, khả thi và hiệu quả, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng địa phương trong việc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế nhà nước.

- Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, cần đề cao tinh thần chủ động, quyết liệt, đổi mới, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành; gắn việc thực hiện Chương trình với nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao hiệu quả, phát huy vai trò chủ đạo, tiên phong và định hướng của kinh tế nhà nước trên địa bàn tỉnh trong các ngành, lĩnh vực then chốt, thiết yếu; làm nòng cốt, dẫn dắt và hỗ trợ các thành phần kinh tế khác cùng phát triển, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh, bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội, nâng cao toàn diện đời sống Nhân dân; tạo nền tảng để phấn đấu đến năm 2030 là tỉnh phát triển khá, toàn diện, bền vững; đến năm 2045 là tỉnh phát triển, thu nhập cao trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; tự cường, tự tin trong kỷ nguyên mới, phát triển phồn vinh, hạnh phúc.

2. Mục tiêu đến năm 2030

- *Về đất đai, tài nguyên:* Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên một cách hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, an ninh kinh tế, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Đến năm 2030, tỷ lệ che phủ rừng đạt 62,2%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 95,0%; tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%; 100% khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.

- *Về tài sản kết cấu hạ tầng*: Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đầu tư phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng số theo hướng đồng bộ, hiện đại, bền vững; thực hiện và đưa vào sử dụng các công trình, dự án trọng điểm, kết nối liên vùng, có tính đột phá, tạo động lực tăng trưởng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; phủ rộng hạ tầng số đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và biên giới, bảo đảm phục vụ hiệu quả hoạt động của chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; hoàn tất phủ sóng di động vùng trắng, lõm sóng để bảo đảm hạ tầng số thống nhất, an toàn. Tiếp tục phát triển giao thông nông thôn, nâng cấp đường xã đạt 90% cứng hóa; nhựa hóa, bê tông hóa 85% đường xã đến thôn bản, trên 75% đường thôn, trên 65% đường nội đồng đạt tiêu chí nông thôn mới. Mở rộng các loại hình nhà ở, ưu tiên phát triển nhà ở xã hội, đến năm 2030 xây dựng ít nhất 3.000 căn nhà ở xã hội.

- *Về ngân sách nhà nước, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách*: Phần đầu tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030 đạt 12.000 tỷ đồng; tỷ lệ huy động nguồn ngân sách giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 7% GRDP; tỷ trọng chi đầu tư phát triển bằng 23,4% tổng chi ngân sách địa phương; tỷ trọng chi thường xuyên bằng 74,8% tổng chi ngân sách địa phương. Rà soát, sắp xếp, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đảm bảo các quỹ hoạt động độc lập, nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.

- *Về doanh nghiệp nhà nước*: Tiếp tục thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Đường bộ I Hà Giang và Công ty cổ phần Môi trường đô thị Hà Giang; thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước đối với 06 doanh nghiệp trong giai đoạn 2026-2030 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Tăng cường quản trị doanh nghiệp theo hướng công khai, minh bạch, phù hợp cơ chế thị trường; bảo đảm doanh nghiệp nhà nước hoạt động đúng ngành, lĩnh vực được giao, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; 100% doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện quản trị doanh nghiệp hiện đại trên nền tảng số.

- *Về tổ chức tín dụng nhà nước*: Triển khai có hiệu quả chính sách tín dụng trên địa bàn, ưu tiên vốn cho các lĩnh vực trọng điểm, khâu đột phá. Thực hiện có hiệu quả hoạt động tín dụng chính sách xã hội, tăng trưởng dư nợ tín dụng chính sách xã hội hằng năm khoảng 10%, phân đầu đến năm 2030, tổng dư nợ tín dụng chính sách xã hội đạt trên 19.000 tỷ đồng; tỷ lệ nợ quá hạn dưới 0,12%. Các chi nhánh tổ chức tín dụng nhà nước trên địa bàn hoạt động an toàn, lành mạnh, phát triển bền vững; tiên phong về công nghệ, năng lực quản trị, triển khai thực hiện các chính sách tín dụng theo chỉ đạo của Đảng, Nhà nước góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

- Về đơn vị sự nghiệp công lập: Tiếp tục thực hiện chuyển đổi Trung tâm Đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải, Trung tâm Đào tạo và Đăng kiểm xe cơ giới và các đơn vị sự nghiệp công lập khác đủ điều kiện thành công ty cổ phần theo quy định và hướng dẫn của Trung ương. Xã hội hoá mạnh mẽ cung cấp các dịch vụ công; tiếp tục tinh gọn đầu mối, phân đầu chỉ còn các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ nhiệm vụ chính trị, quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Kinh tế nhà nước giữ vai trò nền tảng quan trọng trong bảo đảm tự chủ, tự cường của kinh tế địa phương; được tổ chức, quản trị theo hướng hiện đại, minh bạch, hiệu quả, hoạt động theo cơ chế thị trường, phù hợp điều kiện tỉnh miền núi, biên giới. Ngân sách nhà nước trở thành công cụ quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế nhà nước, phát huy tốt vai trò dẫn dắt trong cung ứng dịch vụ công thiết yếu, phát triển kết cấu hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và ổn định kinh tế - xã hội, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và khu vực biên giới.

Kinh tế nhà nước chủ động hỗ trợ, thúc đẩy cơ cấu lại kinh tế của tỉnh theo hướng xanh, bền vững; tập trung vào các lĩnh vực then chốt như hạ tầng, nông - lâm nghiệp, năng lượng, môi trường, du lịch và dịch vụ công; góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, cải thiện đời sống Nhân dân, đóng góp vào mục tiêu chung đến năm 2045 nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Phân đầu xây dựng các doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý hoạt động hiệu quả, tự chủ ở mức độ cao; mở rộng cơ chế tự chủ tài chính, từng bước giảm chi từ ngân sách nhà nước; quản lý an toàn, bền vững tài chính - ngân sách địa phương, nâng cao năng lực dự phòng và khả năng ứng phó với các tình huống phát sinh.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Tiếp tục tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các chủ trương, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp đã được xác định tại các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư liên quan đến quản lý, sử dụng các nguồn lực của kinh tế nhà nước; đồng thời, tập trung triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

- Tăng cường quán triệt đầy đủ, sâu sắc các quan điểm, chủ trương của Đảng về kinh tế nhà nước trong toàn hệ thống chính trị và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành theo hướng từ quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại, hành động quyết liệt, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Chủ động rà soát, kiến nghị hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả hệ thống cơ chế, chính sách, quy định pháp luật liên quan đến quản lý, sử dụng các nguồn lực của kinh tế nhà nước trên địa bàn tỉnh; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn về thể chế. Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm giữa cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị trực tiếp sử dụng nguồn lực; tách bạch nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công với hoạt động sản xuất, kinh doanh theo cơ chế thị trường.

- Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch cho các khu vực kinh tế trong tiếp cận và sử dụng các nguồn lực; khuyến khích các hình thức hợp tác công - tư trong quản lý, khai thác tài nguyên, kết cấu hạ tầng và cung ứng dịch vụ sự nghiệp công. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát; nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị; giảm thiểu can thiệp hành chính trực tiếp, giảm chi phí tuân thủ, từng bước chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm.

- Chú trọng xây dựng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ chuyên môn trong các cơ quan, tổ chức kinh tế nhà nước của tỉnh; thực hiện có hiệu quả các chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài, gắn với tiêu chuẩn năng lực, đạo đức công vụ và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

- Xây dựng và thực hiện cơ chế để bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, bảo đảm xử lý đúng bản chất các vụ việc, phân biệt rõ sai sót khách quan với vi phạm pháp luật; tạo môi trường khuyến khích đổi mới, sáng tạo trong quản lý, điều hành, không để cán bộ e ngại, né tránh, sợ trách nhiệm.

- Tiếp tục hoàn thiện, chuẩn hóa và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý kinh tế nhà nước trên địa bàn tỉnh, bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực nhà nước, phục vụ công tác hoạch định chính sách và điều hành phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường phối hợp, nâng cao hiệu quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp, kéo dài, gây ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, thất thoát, lãng phí, tiêu cực; thu hồi kịp thời, tối đa cho Nhà nước các nguồn lực bị sử dụng sai mục đích. Tập trung tháo gỡ, xử lý dứt điểm các dự án, công trình tồn đọng, kéo dài trên địa bàn tỉnh nhằm khơi thông và phát huy hiệu quả các nguồn lực đầu tư.

2. Các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể

2.1. Đối với đất đai và tài nguyên

- Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật về đất đai, tài nguyên và môi trường theo thẩm quyền; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao trách nhiệm trong quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên. Tổ chức triển khai đồng bộ Luật Đất đai năm 2024, Nghị quyết số 254/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành; bảo đảm thống nhất giữa quy hoạch, quản lý tài nguyên với bảo vệ môi trường và bảo tồn thiên nhiên.

- Tập trung nguồn lực xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai, gắn với thúc đẩy chuyển đổi số theo các nghị quyết, chương trình của Trung ương; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng quỹ đất công, đất nông, lâm trường. Thực hiện đăng ký đất đai, định giá đất theo nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch.

- Tăng cường quản lý, bảo vệ tài nguyên nước; nâng cao hiệu lực công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về đất đai, tài nguyên và môi trường; kiên quyết rà soát, thu hồi các dự án chậm triển khai, sử dụng đất không hiệu quả, gây lãng phí.

- Rà soát, cập nhật chính xác hiện trạng các loại đất, làm cơ sở điều chỉnh quy hoạch phù hợp, tạo quỹ đất hợp lý cho phát triển công nghiệp, dịch vụ và đô thị. Bảo đảm cơ chế tiếp cận đất đai bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; ưu tiên quỹ đất cho phát triển hạ tầng, nhà ở xã hội và các lĩnh vực động lực. Đồng thời, làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong quản lý, sử dụng đất; kiên quyết thu hồi đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang, kém hiệu quả.

- Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu; chú trọng quản lý, phát triển bền vững tài nguyên rừng và tài nguyên nước; đầu tư công trình bảo vệ môi trường, phục hồi hệ sinh thái, bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm. Quản lý, khai thác hiệu quả tài nguyên số và hạ tầng viễn thông; thúc đẩy phát triển thị trường dữ liệu, hợp tác công tư trong ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, an ninh mạng; phát huy vai trò dữ liệu, tài nguyên số trở thành nguồn lực quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng

- Xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng với tầm nhìn dài hạn, đồng bộ, thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số. Bảo đảm quy hoạch đồng bộ, liên kết, đa ngành, đa mục tiêu nhằm khai thác hiệu quả và tận dụng tối đa chức năng của các loại hình kết cấu hạ tầng. Khuyến khích mở rộng việc áp dụng các hình thức đầu tư theo phương thức công - tư như "đầu tư công - quản trị tư", "đầu tư tư - sử dụng công" và các hình thức hợp tác công tư khác để xây dựng và quản lý, vận hành hiệu quả nhất các công trình kết cấu hạ tầng.

- Đến năm 2030, cơ bản hoàn chỉnh hệ thống giao thông đồng bộ, chất lượng cao, kết nối sâu rộng nội vùng, liên vùng và quốc gia. Huy động, lồng ghép mọi nguồn lực, đẩy nhanh các dự án trọng điểm: Tiếp tục đầu tư, xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang hoàn chỉnh 4 làn xe từ Trung tâm hành chính tỉnh đến cửa khẩu Thanh Thủy; thúc đẩy đầu tư tuyến nối đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai với Hà Giang (CT12) và các dự án liên vùng có tính đột phá (*Đường kết nối liên vùng Thái Nguyên - Tuyên Quang - Lào Cai (trước đây là tỉnh Yên Bái)*; đường kết nối liên vùng Thái Nguyên (trước đây là tỉnh Bắc Kạn) - Tuyên Quang....); các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp, khu kinh tế như: Khu công nghiệp Bình Vàng (giai đoạn 2), Kè bờ đông sông Lô trong Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, khu công nghiệp Long Bình An (giai đoạn 2)... và hệ thống đường giao thông nông thôn.

- Thu hút đầu tư các trạm dừng nghỉ trên đường cao tốc, đường quốc lộ theo quy hoạch; các Bến xe khách, bãi đỗ xe tại trung tâm các đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch trong tỉnh, các điểm dừng đón trả khách dọc các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, hướng tới xu hướng phát triển hạ tầng giao thông xanh, bền vững.

- Đẩy mạnh các giải pháp quy hoạch phát triển đô thị, đô thị thông minh; quản lý, khai thác, sử dụng đối với các loại tài sản kết cấu hạ tầng văn hoá, thể thao, du lịch, hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp...do Nhà nước đầu tư để huy động nguồn lực ngoài ngân sách cùng tham gia trên cơ sở bảo đảm tính hiệu quả, công khai, minh bạch, chống thất thoát, lãng phí.

2.3. Đối với ngân sách nhà nước, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống

a) Ngân sách nhà nước

- Đổi mới quản lý, điều hành ngân sách nhà nước đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định. Tiếp tục phân cấp nguồn thu tại địa phương, tăng tính chủ động, tự chủ cho ngân sách địa phương; phân cấp các nhiệm vụ chi ngân sách gắn trực tiếp quyền lợi và trách nhiệm của từng cấp, bảo đảm nguyên tắc cấp nào thực hiện hiệu quả, kịp thời nhất thì giao cho ngân sách cấp đó thực hiện.

- Kịp thời triển khai các loại thuế mới liên quan đến tài sản, mức phát thải carbon,... bảo đảm bao quát các nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế, tăng tính bền vững cơ cấu nguồn thu, nâng cao tính công khai, minh bạch, phù hợp thông lệ quốc tế; hiện đại hoá quy trình, công tác quản lý thu, giảm tối đa chi phí tuân thủ; có chính sách tạo nguồn thu và nuôi dưỡng nguồn thu, khơi thông nguồn lực cho phát triển.

- Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách địa phương phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước về phân cấp ngân sách, nhiệm vụ cần triển khai thực hiện và khả năng cân đối của ngân sách địa phương; thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên để tăng chi cho đầu tư phát triển. Ưu tiên bố trí ngân sách địa

phương để thực hiện các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước, thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2026-2030.

- Phân bổ vốn đầu tư công tập trung, tránh dàn trải, manh mún; nâng cao hiệu quả phân bổ, sử dụng, giải ngân vốn đầu tư công. Chủ động quyết định đầu tư theo quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực, phục vụ tốt nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn, theo tinh thần "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm".

- Bảo đảm nguyên tắc, cân đối ngân sách chỉ vay cho chi đầu tư phát triển và trong phạm vi khả năng trả nợ theo quy định. Triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu về nợ công có tính kết nối giữa Trung ương và địa phương, phục vụ công tác điều hành tài khóa chủ động, hiệu quả theo hướng dẫn của Trung ương.

b) Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động; tăng cường hiệu quả, hiệu lực quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

- Rà soát, đánh giá toàn diện tình hình hoạt động, tình hình tài chính, chất lượng tín dụng (đối với các quỹ có hoạt động cho vay) và xác định mục tiêu, điều kiện hoạt động, nguồn vốn của Quỹ làm cơ sở xây dựng phương án sáp nhập, giải thể các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoạt động kém hiệu quả, trùng lặp chức năng, nhiệm vụ, không phù hợp với điều kiện, đặc điểm, yêu cầu phát triển của địa phương; giảm đầu mối để tăng quy mô, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của các quỹ.

- Tiếp tục rà soát để thực hiện giải thể các quỹ không hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả như: Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã; Quỹ Hỗ trợ và phát triển du lịch; xây dựng, đề xuất phương án cụ thể đối với các Quỹ chưa đủ vốn điều lệ hoạt động theo quy định, đảm bảo thực hiện đúng định hướng, chỉ đạo của trung ương và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm tra hoạt động và việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, bảo đảm nguồn lực tài chính nhà nước được quản lý, sử dụng hiệu quả, công khai, minh bạch; đẩy mạnh số hóa, công khai thông tin và kết quả hoạt động. Tăng cường cơ chế uỷ thác quản lý tài chính quỹ cho các tổ chức ngân hàng, công ty tài chính chuyên nghiệp; các cơ quan nhà nước chỉ tập trung xây dựng tiêu chí, điều kiện huy động và giải ngân vốn từ quỹ.

- Tăng cường huy động nguồn lực xã hội hoá và giảm phụ thuộc vào ngân sách. Không hình thành mới quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trừ các trường hợp cấp bách, cấp thiết theo yêu cầu của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

c) Vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống

Thực hiện quản lý chặt chẽ, hiệu quả phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp theo quy định; từng bước thực hiện thoái vốn tại các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ hoặc chuyển giao vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống cho doanh nghiệp có chức năng kinh doanh và đầu tư vốn nhà nước để quản lý; thực hiện đầy đủ trách nhiệm của chủ sở hữu đối với phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp (tái cơ cấu, thoái vốn), bảo đảm hiệu quả nguồn vốn đầu tư của Nhà nước.

2.4. Đối với doanh nghiệp nhà nước

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo củng cố, sắp xếp và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh góp phần thúc tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích và tạo điều kiện để doanh nghiệp nhà nước đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động; từng bước hiện đại hóa quản trị doanh nghiệp phù hợp với cơ chế thị trường.

- Thực hiện cơ chế giám sát, trách nhiệm giải trình của người đại diện phần vốn nhà nước, các chức danh quản lý tại doanh nghiệp gắn với việc nâng cao tiêu chuẩn, điều kiện, tăng cường phân công, phân cấp trong quản lý, điều hành doanh nghiệp. Kiên quyết xử lý, thay thế, miễn nhiệm những người thiếu trách nhiệm, yếu kém để xảy ra thất thoát, lãng phí, gây ảnh hưởng tiêu cực, làm trì trệ, kìm hãm sự phát triển và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Thực hiện có hiệu quả cơ chế tiền lương, tiền thưởng bảo đảm khả năng cạnh tranh, sát thực tiễn và đúng quy định. Rà soát, xử lý các dự án đầu tư yếu kém, doanh nghiệp thua lỗ kéo dài (nếu có), xác định rõ và xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định, tránh để kéo dài gây lãng phí, thất thoát tài sản, nguồn vốn, giảm thiểu thiệt hại cho nhà nước, doanh nghiệp.

- Triển khai cơ chế đánh giá hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn góp trên địa bàn trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ được giao, thông qua các chỉ số hiệu quả tài chính; hạch toán tách bạch nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ chính trị, quốc phòng an ninh, nhiệm vụ không vì mục tiêu lợi nhuận.

- Tiếp tục cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp và đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước một cách thực chất, hiệu quả, đúng quy định, đúng tiêu chí nhằm thực hiện tốt hơn vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong bối cảnh mới; khuyến khích các doanh nghiệp nhà nước đầu tư vào lĩnh vực có nhu cầu thị trường lớn, có khả năng tiếp cận công nghệ mới, góp phần phát triển kinh tế nhà nước trên địa bàn.

2.5. Đối với các tổ chức tín dụng nhà nước

- Áp dụng chuẩn mực quản trị hiện đại, nâng cao năng lực quản lý rủi ro. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số; phát triển các dịch vụ ngân hàng, sản phẩm tài chính trực tuyến đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, sắp xếp mạng lưới để nâng cao hiệu quả hoạt động. Thực hiện tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, nâng cao chất lượng tín dụng; tăng cường công tác xử lý nợ xấu và hạn chế nợ xấu mới phát sinh.

- Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Tuyên Quang, Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Tuyên Quang thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm trong đầu tư và cho vay các đối tượng chính sách, gắn nhiệm vụ tín dụng với thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2.6. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện chuyển thành công ty cổ phần một cách hiệu quả, đúng quy định. Khuyến khích tạo điều kiện để các thành phần kinh tế, tổ chức xã hội tham gia cung ứng dịch vụ sự nghiệp công. Mở rộng, nâng cao hiệu quả cơ chế hợp tác công tư trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công có khả năng xã hội hoá; tăng cường hợp tác về nhân lực, thương hiệu và công nghệ trên cơ sở bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ được giao.

- Rà soát, sắp xếp danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; tiếp tục rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh phù hợp với chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Bảo đảm kinh phí cho các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu; kiên quyết không để việc thiếu nguồn lực (con người, tài chính,...) dẫn tới giảm chất lượng phục vụ người dân.

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, xây dựng lộ trình tăng dần mức độ tự đảm bảo chi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp nhóm 3, nhóm 4 để giảm chi từ ngân sách nhà nước, trong đó các đơn vị sự nghiệp công lập có tỷ lệ tự đảm bảo chi thường xuyên từ 90% trở lên sẽ chuyển từ đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ 1 phần chi thường xuyên sang đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên.

- Tiếp tục chuyển mạnh từ cấp trực tiếp kinh phí cho các đơn vị sự nghiệp công lập sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng chính sách theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí khi sử dụng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, gắn với cơ chế kiểm soát; đơn giản hoá quy trình, thủ tục đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu; điều chỉnh giá, phí dịch vụ công theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí với lộ trình phù hợp khả năng chi trả người dân và cân đối ngân sách nhà nước, đồng thời bảo đảm công khai, minh bạch, cạnh tranh.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tối thiểu chi thường xuyên trở lên được tự chủ về tổ chức bộ máy, tiền lương và các khoản thù lao, đãi ngộ khác, tuyển dụng và sử dụng nhân sự theo kết quả hoạt động như doanh nghiệp do Nhà

nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Nâng cao hiệu quả quản trị, tính công khai, minh bạch trong hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, đánh giá hiệu quả hoạt động của đơn vị gắn với trách nhiệm của người đứng đầu; phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng trong đơn vị theo quy định.

- Đẩy mạnh kiểm định, đánh giá độc lập chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; ứng dụng công nghệ số để người dân tham gia đánh giá mức độ hài lòng đối với các dịch vụ công trên địa bàn tỉnh.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, các cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình này đến toàn thể đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và các tổ chức, đơn vị liên quan, doanh nghiệp và Nhân dân; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình này, cụ thể nội dung, lộ trình triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, sát với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị, phù hợp với thời gian hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đề ra; định kỳ báo cáo kết quả với Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

2. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách phát triển kinh tế nhà nước đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, Chương trình này và các chương trình, kế hoạch khác có liên quan.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế nhà nước, đảm bảo phù hợp với thực tế và hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra; chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW và Chương trình này; định kỳ sơ kết, tổng kết, tổng hợp, đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

4. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, hướng dẫn, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và Nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 79-NQ/TW, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế nhà nước.

5. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 79-NQ/TW và Chương trình hành động này đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân bằng các hình thức thiết thực, phù hợp, hiệu quả.

6. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, tổng hợp báo cáo, tham mưu, giúp Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo các nội dung liên quan.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (báo cáo),
- Đảng ủy Chính phủ (báo cáo),
- Các ban đảng Trung ương (báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng (báo cáo),
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Hầu A Lệnh